

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/CBTT/2020

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Mã chứng khoán: **BWE**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274.3824 245 Fax: 0274.3897 722
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Dương Anh Thư**
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố thông tin (*):

- Công bố thông tin: Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 – Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 5/3/2020 tại đường dẫn: <http://www.biwase.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

- Tài liệu đính kèm/

Tài liệu liên quan đến việc CBTT /

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Dương Anh Thư



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020



Thủ Dầu Một, ngày 17 tháng 03 năm 2020

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Ngày 17/03/2020

1. Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông.
2. Chương trình Đại hội.
3. Thể lệ biểu quyết.
4. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019
5. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020.
6. Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2019.
7. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2019.
8. Tờ trình và tiến hành bầu thay thế thành viên ban kiểm soát.
9. Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.
10. Tờ trình Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2020.
11. Tờ trình Kế hoạch phân phối kết quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế năm 2020 và trích lập các quỹ năm 2020;
12. Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù lao của Ban điều hành năm 2020.
13. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
14. Dự thảo Biên bản & Nghị quyết của Đại hội.



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Thời gian: **8h30'** ngày **17/03/2020** - Thứ ba.

Địa điểm: Số 11 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

STT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
1	- Đón tiếp, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu đại hội.	8h30-9h00	Ban tổ chức
2	Khai mạc đại hội - Chào cờ. - Tuyên bố lý do tổ chức đại hội và giới thiệu thành phần tham dự.	9h00-9h15	Ban tổ chức
3	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông. - Bầu Đoàn chủ tọa, ban thư ký, Ban kiểm phiếu	9h15-9h20	Bà Dương Anh Thư
4	- Thông qua Quy chế làm việc của đại hội. - Thông qua chương trình đại hội. - Thông qua thể lệ biểu quyết	9h20-9h30	Ông Nguyễn Thanh Phong
5	Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019.	9h30-9h50	Ông Nguyễn Văn Thiên
6	Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020.	9h50-10h10	Ông Trần Chiến Công
7	Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2019.	10h10 -10h25	Ông Trần Tấn Đức
8	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2019.	10h25-10h40	Bà Dương Anh Thư
9	Đóng góp ý kiến của các cổ đông về các báo cáo và giải đáp tại đại hội.	10h40 – 10h55	Ông Nguyễn Văn Thiên
10	Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.	10h55 – 11h00	Ông Trần Chiến Công
11	Thông qua Tờ trình và tiến hành bầu thay thế thành viên ban kiểm soát	11h00 – 11h05	Ông Trần Chiến Công
	<i>Giải lao</i>	11h05 – 11h20	

STT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
12	Thông qua Tờ trình Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2020	11h20 – 11h25	Ông Nguyễn Văn Thiên
13	Thông qua Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2020.	11h25 - 11h30	Ông Nguyễn Văn Thiên
14	Thông qua Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2020.	11h30-11h35	Ông Nguyễn Thanh Phong
15	Thông qua tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	11h35-11h40	Ông Trần Chiến Công
16	Thông qua Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu thay thế thành viên ban kiểm soát	11h40-11h45	Ông Mai Song Hào
17	Thông qua Biên bản đại hội	11h45-11h50	Bà Lê Ngọc Lan Thảo
18	Thông qua Nghị quyết đại hội	11h50-11h55	Ông Nguyễn Văn Thiên
19	Bế mạc Đại hội	11h55-12h00	Ban tổ chức

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



Trương Văn Nghĩa
Trưởng Phòng Nhân Sự Quản Trị

Thủ Dầu Một, ngày 3 tháng 3 năm 2020

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

I/ Mục đích:

Nhằm đảm bảo kết luận một cách chính xác các vấn đề được nêu ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

II/ Nguyên tắc biểu quyết:

1. Chính xác, đúng pháp luật, đúng điều lệ.
2. Số phiếu biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.
3. Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

III/ Cách tiến hành:

1. Những cổ đông được đăng ký tại Sổ Cổ đông của Công ty vào thời điểm Đại hội được quyền tham gia biểu quyết.
2. Mỗi đại biểu tham dự ĐHĐCĐ có quyền biểu quyết được phát một Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi các thông tin: Tên cổ đông, Địa chỉ cổ đông và số lượng cổ phần biểu quyết.
3. Đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa đoàn sẽ lấy ý kiến cổ đông bằng cách cầm Phiếu biểu quyết đưa lên cao theo các tình trạng sau: Đồng ý, Không đồng ý, Không ý kiến.

IV/ Kết quả biểu quyết:

1. Kết quả biểu quyết tính theo phần trăm (%) số cổ phần nắm giữ trên vốn điều lệ.
2. Các vấn đề đưa ra biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được thông qua phù hợp theo Điều lệ và Luật Doanh nghiệp 2014.

V/ Hiệu lực:

Cách thức biểu quyết nêu trên có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thiên

Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 03 năm 2020

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Công ty Cổ phần Nước – môi trường Bình Dương xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

Điều 1: Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty được chốt ngày 28/11/2019 (Theo thông báo số 1444/TB-CNVSD của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 28/11/2019 về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2020).

Điều 2: Đoàn Chủ tịch Đại hội

Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ sau:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn cổ đông và Đại hội thảo luận.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số cổ phần của các cổ đông sở hữu.

Điều 3: Ban Thư ký Đại hội

Ban Thư ký gồm 02 người, do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua. Ban Thư ký có nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 4: Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội gồm 02 người, do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Ban kiểm tra có nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Báo cáo trước Đại hội tình hình cổ đông đến dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông đến tham dự, đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì cuộc họp Đại hội cổ đông của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

Điều 5: Cổ đông tham dự Đại hội

- Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách được chốt đến ngày 28/12/2018 hoặc người được ủy quyền (gọi chung là cổ đông) đều có quyền tham dự Đại hội.
- Cổ đông tham dự Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.
- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác.
- Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi ra ngoài hội trường phải chấp hành các quy định và theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức.
- Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – môi trường Bình Dương.
- Cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

Điều 6: Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua Thư ký Đại hội), khi phát biểu hoặc tranh luận thì cần giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu ý kiến. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tránh trùng lặp với các nội dung, ý kiến khác đã nêu và phù hợp với chương trình Đại hội.

Điều 7: Biểu quyết

Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội được phát **01 Phiếu biểu quyết**, mỗi Phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà cổ đông nắm giữ và phần được ủy quyền (nếu có). Phiếu này dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội.
- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- Và biểu quyết các vấn đề khác tại Đại hội.

*** Hình thức biểu quyết:**

- Đại hội biểu quyết từng vấn đề theo sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch và theo trình tự trong nội dung chương trình Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu quyết trực tiếp.

- Ban Thư ký có trách nhiệm tập hợp kết quả biểu quyết: Đồng ý, không đồng ý. Kết quả biểu quyết được tổng hợp và công bố trong Biên bản của Đại hội.

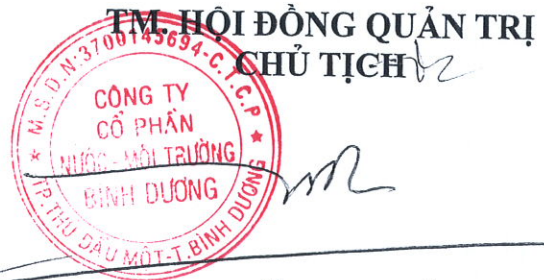
- Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi có ít nhất 65% trên tổng số cổ phần tham dự Đại hội có quyền biểu quyết thông qua.

Điều 8: Điều khoản chung

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông này. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý.

Trên đây là Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.



Nguyễn Văn Thiên

Số: 07 /BC - HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 2 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
VỀ QUẢN TRỊ & KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019
VÀ
KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ & ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY NĂM 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22/09/2016;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty được thông qua ngày 15/03/2019;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương được Đại hội cổ đông thành lập bầu chọn vào ngày 22/09/2016, gồm 7 thành viên. Sau đây, thay mặt HĐQT, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2020 về công tác quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2019 cũng như kế hoạch quản trị và định hướng phát triển công ty năm 2020 như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Tên Công ty Đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC –MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
2. Tên viết tắt: **BIWASE**
3. Mã chứng khoán: **BWE**
4. Địa chỉ trụ sở chính: số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
5. Điện thoại: +84- 274- 3825172 Fax: +84-274-3 827738

6. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; thu gom, xử lý nước thải, rác thải; kinh doanh các dịch vụ ngành nước và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Vốn điều lệ: 1.500 tỷ đồng, số lượng cổ phần là 150 triệu cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó:

- Vốn nhà nước: 375 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 25% vốn điều lệ.
- Vốn tư nhân: 1.125 tỷ đồng, chiếm tỉ lệ 75% vốn điều lệ.

8. Cơ cấu tổ chức, điều hành doanh nghiệp: Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương hoạt động theo Điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty. Tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành gọn, nhẹ, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương gồm 07 (bảy) thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Thiên	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân: 4.118.340 CP (2,74%)
2	Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 215.989 CP (0,14%) Đại diện cho Tổng công ty BECAMEX: 37.500.000 CP (25%)
3	Dương Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 21.100CP (0,01%)
4	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 61.500CP (0,04%)
5	Nguyễn Văn Trí	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 1.500.000 CP (1%)
6	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 1.490.000 CP (0,99%)
7	Tạ Trọng Hiệp	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 CP

(Số lượng cổ phiếu căn cứ vào danh sách cổ đông chốt đến ngày 31/12/2019)

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã thực hiện 12 (mười hai) cuộc họp HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát và đại diện Ban Giám đốc Công ty. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT trong năm 2019 như sau:

TT	Họ tên thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thiên	Chủ tịch HĐQT	12/12	100%	
2	Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT	12/12	100%	
3	Dương Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	12/12	100%	
4	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	12/12	100%	
5	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT	11/12	91,6%	Vắng do bận công tác
6	Nguyễn Văn Trí	Thành viên HĐQT	12/12	100%	
7	Tạ Trọng Hiệp	Thành viên HĐQT	12/12	100%	

b. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, trong các cuộc họp, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết về những vấn đề sau:

STT	Số và ký hiệu	Ngày ký	Nội dung
1.	01/BB-HĐQT	14/01/2019	V/v thành lập Chi nhánh Nước thải Tân Uyên trực thuộc Công ty CP Nước-Môi trường Bình Dương
2.	02/BB-HĐQT	28/01/2019	V/v thành lập các chi nhánh Nước thải: Chi nhánh NT Dĩ An, Thủ Dầu Một, Thuận An-trực thuộc Công ty CP Nước-Môi trường Bình Dương
3.	03/BB-HĐQT	28/01/2019	V/v thành lập các Chi nhánh cấp nước: Chi nhánh CN Dĩ An, Thủ Dầu Một, Thuận An, Khu Liên Hợp, Tân Uyên, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phước Vĩnh-trực thuộc Công ty CP Nước-Môi trường Bình Dương
4.	04/BB-HĐQT	28/01/2019	V/v thành lập các Chi nhánh: Chi nhánh Dịch vụ Đô thị, Xây lắp-Công nghệ Cơ điện BIWASE,

			Tư vấn Cấp Thoát Nước trực thuộc Công ty CP Nước- Môi trường Bình Dương.
5.	10/NQ-HĐQT	15/03/2019	Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2019
6.	08/BB-HĐQT	15/03/2019	V/v ký kết hợp đồng xây dựng với Công ty TNHH SX&TM Quỳnh Phúc (Công ty có liên quan của ông Nguyễn Văn Trí-TV HĐQT).
7.	15/NQ-HĐQT	12/06/2019	V/v thông nhất Kết quả hoạt động kinh doanh 5 tháng đầu năm; Phương hướng hoạt động 7 tháng tiếp theo;
8.	16/NQ-HĐQT	14/06/2019	V/v đầu tư mua cổ phần của Công ty CP cấp Thoát Nước Bình Phước theo Thông báo bán đấu giá cổ phần theo lô của Công ty CP cấp Thoát Nước Bình Phước do UBND tỉnh Bình Phước nắm giữ.
9.	23/BB-HĐQT	17/10/2019	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019
10.	24/NQ-HĐQT	17/10/2019	V/v Thông nhất Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019 và các công việc cần thực hiện
11.	25/BB-HĐQT	11/11/2019	V/v Xin chủ trương đầu tư mở rộng nâng công suất NMN Phước Vĩnh và Dầu Tiếng.
12.	26/BB-HĐQT	02/12/2019	V/v thông nhất chủ trương mở rộng NMN Dầu Tiếng-thị trấn Dầu Tiếng-tỉnh Bình Dương.

c. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty.
- Chủ tịch HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt trong việc thực thi các nội dung Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 đề ra, các mục tiêu sản xuất kinh doanh luôn được kiểm soát hàng tháng, quý cũng như kịp thời đôn đốc, nhắc nhở Ban Giám đốc công ty thực hiện có trọng tâm, trọng điểm các dự án đầu tư có tính chiến lược như dự án thu gom xử lý nước thải, nâng công suất nhà máy nước Tân Hiệp, mở rộng Khu liên hợp xử lý chất thải Bình Dương ... Trong năm, HĐQT đã chỉ đạo đẩy mạnh việc đầu tư mở rộng NMN, tổng công suất tăng thêm 150.000m³/ng.đêm và mạng lưới phân phối ống; đầu tư hoàn chỉnh dây chuyền xử lý rác thành phân hữu cơ, CS 840 tấn/ngày và lò đốt rác CS 200 tấn/ngày; mở rộng được thị trường phân bón Con Voi Bình Dương đến các tỉnh miền Đông Nam Bộ, miền Trung và các tỉnh miền Tây. Về lĩnh vực thu gom, xử lý nước thải cũng đạt mức tăng trưởng kế hoạch là 23%/năm, đây là những kết quả rất đáng tự hào của HĐQT nói riêng và Công ty nói chung.
- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Giám đốc, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Giám đốc và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

– Trong năm 2019, HĐQT đã ban hành các văn bản về những vấn đề nhân sự, điều hành Công ty, thông qua hồ sơ đăng ký phát hành, chuẩn bị nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án, định hướng về chiến lược phát triển kế hoạch SXKD và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT;

– Đã ký các Quyết định thành lập chi nhánh trực thuộc (thay cho các nhà máy, xí nghiệp trước đây) nhằm tăng cường năng lực hoạt động cũng như tạo sự chủ động trong công việc;

– Thực hiện ký kết Biên bản thỏa thuận hợp tác toàn diện với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) (tháng 08/2019) nhằm đảm bảo nguồn tài chính thực hiện các dự án hiện tại và trong tương lai. Trong năm, Công ty cũng đã ký Biên bản ghi nhớ với tập đoàn TSK Hàn Quốc (tháng 11/2019) nhằm thiết lập mối quan hệ hợp tác đa phương, tìm hiểu các cơ hội kinh doanh liên quan đến lĩnh vực môi trường;

– Thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục cần thiết để thoái vốn sở hữu Nhà nước theo chủ trương của UBND tỉnh tại Công ty BIWASE từ 41% xuống còn 25% vốn điều lệ;

– Đã phối hợp với các Sở ban ngành tham mưu trình UBND tỉnh ra Quyết định thành lập Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương và kiện toàn bộ máy nhân sự của Ban này, trong đó, nhân sự chủ chốt là cán bộ của Công ty;

– Kiểm tra chặt chẽ công tác quản lý điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ công bố thông tin theo quy định.

– Tăng cường công tác quản lý, giám sát Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty. Nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.

– Hầu hết các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát của công ty cũng đã tham gia khóa đào tạo Chuyên sâu về UBKT và Chứng nhận thành viên HĐQT do VIOD tổ chức nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành công ty theo các quy định mới và phù hợp với thông lệ quốc tế.

– Tháng 06/2019, BIWASE đã được tạp chí Forbes bình chọn vào top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam. Tháng 11/2019, BIWASE đã được Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN trao tặng giải thưởng “Doanh nghiệp xã hội bền vững khu vực ASEAN-2019” về những đóng góp cho xã hội, lễ trao giải tổ chức tại Thái Lan.

d. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và nghị quyết của HĐQT công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo và theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

+ Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 đề ra và việc thực hiện các Quyết định của HĐQT đã ban hành về hoạt động của Công ty.

+ Qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của doanh nghiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

+ Thông qua nội dung kiểm tra, đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty.

+ Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

+ Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở Ban Giám đốc kiểm tra giám sát các dự án mà công ty đang triển khai xây dựng nhằm đưa vào sử dụng đúng tiến độ.

Ngoài ra, HĐQT quan tâm chỉ đạo và giám sát sâu sát đến các hoạt động như:

+ Tăng cường công tác phát triển khách hàng ở tất cả các lĩnh vực: cấp nước, rác thải và nước thải.

+ Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực, bổ sung kỹ năng làm việc cho CB CNV toàn Công ty.

+ Quản lý các khoản công nợ và chi phí hợp lý.

+ Đầu tư nâng cao trình độ khoa học công nghệ áp dụng tại đơn vị.

+ Giải pháp nâng cao năng suất lao động và nâng cao hiệu quả SXKD.

+ Chú trọng công tác gìn giữ và nâng cao uy tín, hình ảnh, thương hiệu của công ty.

3. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 15/03/2019, HĐQT luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đạt nhiều nội dung kế hoạch đề ra. Hoạt động của Ban Giám đốc được đánh giá mỗi 2 tháng 1 lần và theo định kỳ từng quý. Kết quả SXKD năm 2019 đạt các chỉ tiêu đề ra tại ĐHCĐ thường niên 2019, cụ thể như sau:

+ Tổng doanh thu đạt: **2.631** tỷ đồng, đạt 106% so với Nghị quyết năm 2019 (2.471 tỷ đồng), đạt 117% so với năm 2018 (2.247 tỷ đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế trong năm đạt: **465** tỷ đồng.

+ Thất thoát nước trong năm 2019: **5,54** %/năm, giảm 0,21% so với năm 2018 (5,75%).

+ Cổ tức đạt kế hoạch (10 %vốn điều lệ).

+ Các quỹ đều được trích đúng theo Nghị Quyết năm 2019 và được sử dụng đúng quy định, ổn định.

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã hoàn thành những mục tiêu quan trọng như: phát triển hệ thống cấp nước ra vùng ven, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện đúng tiến độ và phát huy hiệu quả ngay khi đưa vào sử dụng..., triển khai thực hiện hóa đơn điện tử, và quan trọng hơn hết kết quả kinh doanh năm 2019 các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt so với tinh thần và Nghị quyết đại hội Cổ đông thường niên 2019.

4. Về công tác quản trị tài chính

Công tác quản trị tài chính luôn được HĐQT chú trọng. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong XDCB thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo qui định của pháp luật và doanh nghiệp niêm yết trên sàn.

III. KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỦA HĐQT NĂM 2020

Với những kết quả đạt được của năm 2019, HĐQT tiếp tục phát huy vai trò quản trị trong năm 2020 qua việc thực hiện các giải pháp trong điều hành sản xuất, kinh doanh, phân đầu hoàn thành hoặc vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, giảm thất thoát nước. Các giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện như sau:

1. Về điều hành quản lý sản xuất

- 1.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, quản lý của HĐQT, trách nhiệm điều hành của Ban Giám đốc Công ty và của lãnh đạo các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc ;
- 1.2. Nghiên cứu, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm tái chế; tìm tòi các giải pháp, công nghệ mới, hiện đại để ứng dụng trong hoạt động SXKD, tăng cường khả năng xử lý nước, nước thải, rác thải nhằm đem lại hiệu quả cao cho công ty;
- 1.3. Nghiên cứu các giải pháp kinh doanh, tăng năng lực, chất lượng dịch vụ để tăng cường công tác phát triển khách hàng;
- 1.4. Nghiên cứu giải pháp tài chính để Công ty hoạt động hiệu quả và đầu tư ra bên ngoài với những dự án tiềm năng;
- 1.5. Tiếp tục đào tạo cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty theo các chương trình đào tạo do VIOD tổ chức để hoàn thiện kiến thức quản trị như các nước tiên tiến và theo chuẩn quốc tế;

- Tăng cường công tác nhân sự, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, bán hàng để đáp ứng tương xứng với giá cả dịch vụ cấp nước đã được Ủy ban tỉnh phê duyệt điều chỉnh hàng năm;
- Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc phục vụ để khách hàng luôn đạt sự hài lòng về chất lượng dịch vụ, đảm bảo tính an toàn, chất lượng của sản phẩm cung cấp, đảm bảo vấn đề môi trường để Bình Dương luôn tự hào về hạ tầng kỹ thuật của tỉnh nhằm mạnh dạn mời gọi, thu hút đầu tư nhiều hơn nữa;

1.6. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, mục tiêu đề ra:

- + Doanh thu tối thiểu đạt 3.150 tỷ đồng (tăng $\geq 10\%$ so với năm 2019)
- + Lợi nhuận sau thuế tối thiểu đạt 470 tỷ đồng (tăng $\geq 10\%$ so với năm 2019)
- + Cổ tức mong đợi đạt 12%/vốn điều lệ.

2. Về dịch vụ cấp nước

- 2.1 Tổ chức triển khai đầu tư mở rộng các nhà máy nước đảm bảo cấp đủ nước trong mọi tình huống trong chiến lược ngắn hạn cũng như dài hạn;
- 2.2 Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng thu tiền nước qua ngân hàng và các điểm thu hộ, dự kiến đến cuối năm 2020, tỷ lệ thu này đạt khoảng 70%.

3. Về dịch vụ xử lý chất thải

- 3.1 Một số nội dung cụ thể như Tổng Giám đốc đã trình bày và xa hơn nữa là nghiên cứu đầu tư mở rộng thị trường ở những nơi có tính chiến lược;
- 3.2 Nghiên cứu tìm giải pháp đầu ra cho sản phẩm tái chế, nhất là phân bón Con Voi (không tiêu thụ được thì không thể tiếp tục tái chế được). Sản phẩm đầu vào phải có hiệu quả, bảo đảm cân đối nguồn thu-chi và có tích lũy để tạo vốn đầu tư chiều rộng lẫn chiều sâu với sản phẩm này.

4. Về dịch vụ thu gom, xử lý nước thải

- 4.1 Tiếp tục triển khai, tăng cường công tác đấu nối khách hàng đối với nước thải.
- 4.2 Hoàn thiện đơn giá xử lý nước thải để được phê duyệt và áp dụng đơn giá mới.

5. Về công tác chống thất thoát nước

- 5.1 Tiếp tục nâng cao công tác chống thất thoát nước bằng các giải pháp, công nghệ tiên tiến;
- 5.2 Duy trì tỷ lệ thất thoát nước ở mức hiện tại hoặc thấp hơn.

6. Về công tác quản lý tài sản

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý tài sản, nhất là tài sản chìm dưới đất tổ chức quản lý tài sản thuộc hệ thống thu gom xử lý nước thải và mạng lưới cấp nước;

7. Về tổ chức bộ máy

- 7.1 Kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành; nâng cao năng lực lãnh đạo và chuyên môn cho cán bộ lãnh đạo thông qua các khóa đào tạo tại công ty và ngoài công ty;
- 7.2 Chú trọng công tác bồi dưỡng nhân sự, đào tạo, huấn luyện, nâng cao tay nghề cho CB CNV Công ty; nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập cho CB CNV;
- 7.3 Chuẩn bị đội ngũ kế thừa để có thể đảm nhận công việc khi cần thiết, đảm bảo hoạt động của công ty được xuyên suốt.

8. Về triển khai thực hiện các dự án

- 8.1 Thực hiện đúng/vượt tiến độ các dự án Công ty làm Chủ đầu tư;
- 8.2 Tiếp tục triển khai công việc theo nội dung hợp tác với tập đoàn TSK;
- 8.3 Có chiến lược huy động các nguồn vốn phù hợp như: vốn ODA ít điều kiện của ADB (không qua bảo lãnh của Chính phủ), ngân hàng Eximbank Hungary, Quỹ Đầu tư-Phát triển, Quỹ Bảo vệ Môi trường, các ngân hàng có lãi suất cho vay thấp;
- 8.4 Tiếp tục tìm nguồn vốn với lãi suất tốt để thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh của công ty về cấp nước, rác thải và đầu tư tài chính.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương năm 2019, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Cty;
- HĐQT Cty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thiên

Thủ Dầu Một, ngày 3 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 & PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. TỔNG QUAN

Tiếp tục thực hiện theo chỉ đạo của thủ tướng chính phủ về công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, qua 2 lần thực hiện thoái vốn nhà nước, đến nay tỷ lệ vốn nhà nước tham gia tại BIWASE là 25% vốn điều lệ.

Cùng với tình hình phát triển chung của thế giới năm 2019, tình hình kinh tế vĩ mô của nước ta cơ bản giữ được ổn định và có mức tăng trưởng tốt. Trong đó Bình Dương đang có tốc độ phát triển nhanh và sức hút tốt đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt tại khu trung tâm hành chính của tỉnh, huyện mới Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên và huyện Chơn Thành – tỉnh Bình Phước theo đó nhu cầu về các dịch vụ cấp, thoát nước, xử lý rác thải cũng tăng theo. Do vậy, trong năm 2019 một số nhà máy nước của BIWASE đã phải chạy vượt công suất như Tân Hiệp, Tân Uyên, Uyên Hưng, Dĩ An và Chơn Thành. Với sức mạnh đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và với nỗ lực của tập thể CBCNV đã phấn đấu hoàn thành vượt kế hoạch được giao năm 2019.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

S T T	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	So với TH 2018 (%)	Kế hoạch 2019	So với KH 2019 (%)
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	155.131.627	131.661.233	118%	152.680.000	102%
2	Đầu nối cấp nước	Khách hàng	30.254	31.398	96%	34.150	89%
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	5,54	5,75	-0,21%	5,75	-0,21%
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.631	2.247	117%	2.471	106%
5	Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.103	1.896	111%	2.085	101%

6	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	528	351	150%	386	136%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	465	313	149%		
8	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	117	108	108%		

2.1. Sản xuất kinh doanh nước sạch:

- Doanh thu sản xuất nước của 9 chi nhánh cấp nước: **1.637** tỷ đồng. Đạt 101% kế hoạch năm 2019 (1.627 tỷ đồng). Đạt 119% so với năm 2018(1.381 tỷ đồng)
- Sản lượng nước tiêu thụ: **155.131.627m³**, đạt 101% kế hoạch năm 2019 (152.680.000 m³) và đạt 108% so với kế hoạch năm 2018 (144.126.000m³).
- Thất thoát nước trong năm 2019: **5,54%/năm**, giảm 0,21% so với năm 2018 (5,75%).
- Điện năng tiêu thụ bình quân cho 1 m³ nước sản xuất là: 0,36w/m³.
- Số lượng đầu nối khách hàng cấp nước tăng trong năm 2019: **30.254** đầu nối, đạt 89 % kế hoạch được giao 34.150 đầu nối và lũy kế tính đến ngày 31/12/2019 đã có 275.376 đầu nối khách hàng, cụ thể thay đổi tại các Xí nghiệp, nhà máy như:

ST T	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC	KHÁCH HÀNG tăng thêm trong năm 2019 và lũy kế đến 31/12/2019					TỔNG CỘNG	KH LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2019
		Kinh doanh, dịch vụ	HCSN	Sản xuất	Dân dụng			
1	THỦ DẦU MỘT	40	10	27	5.708	5.785	58.695	
2	DĨ AN	85	11	34	9.059	9.189	104.725	
3	KHU LIÊN HỢP	25	18	1.047	5.372	6.462	43.702	
4	TÂN UYÊN	7	2	86	1.209	1.304	10.751	
5	DẦU TIẾNG	1	1	1	220	223	4.750	
6	PHƯỚC VĨNH	-2	2	0	114	114	3.170	
7	BÀU BÀNG	-1	4	1.056	1.794	2.853	7.249	
8	XNCN THUẬN AN	105	4	-6	3.181	3.284	38.504	
9	CN CHƠN THÀNH	7	12	40	981	1.040	3.830	
	TỔNG	267	64	2.285	27.638	30.254	275.376	
				30.254				

Tính đến cuối năm 2019 công ty đang quản lý và khai thác tổng cộng khoảng 4.276 km đường ống cấp nước các loại từ D60 – D1400, trong đó tăng thêm trong năm 2019 đạt 276km, cụ thể như sau:

STT	Tên nhà máy	Tăng trong năm 2019 (m)	Lũy kế đến 31/12/2019 (m)
1	CNCN Khu Liên Hợp	45.713	856.953
2	CNCN Dĩ An	27.605	1.048.012
3	CNCN Thủ Dầu Một	66.296	1.556.849
4	CNCN Tân Uyên	28.191	237.121
7	CNCN Thuận An	30.465	162.511
8	CNCN Chơn Thành	31.569	182.461
9	CNCN Bàu Bàng	40.075	120.703
10	CNCN Phước Vĩnh	4.130	56.705
11	CNCN Dầu Tiếng	2.542	55.247
Tổng cộng		276.586	4.276.562

2.2 Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác:

- Doanh thu năm 2019 của Chi nhánh xử lý chất thải: **647** tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch được giao năm 2019 (680 tỷ đồng), đạt 104% so với thực hiện năm 2018 (623 tỷ đồng).
- Tổng khối lượng rác tiếp nhận trong năm 2019 là 840.487 tấn và 279.113 m³ nước rỉ rác, trung bình tiếp nhận và xử lý khoảng: **2.302 tấn/ngày** và 765 m³/ngày nước rỉ rác với thành phần và tỷ lệ như sau:

STT	Thành phần	Khối lượng (tấn)	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Rác thải sinh hoạt	727.663,15	86,6
2	Chất thải công nghiệp không nguy hại	70.602,32	8,4
3	Chất thải công nghiệp nguy hại	21.032,51	2,5
4	Bùn thải và chất thải y tế	21.189,39	2,5
Tổng cộng		840.487,37	100

- Tổng số khách hàng của Chi nhánh xử lý chất thải hiện nay là: **2.499** khách hàng. Trong đó phát triển trong năm 2019 là 194 khách hàng (Lũy kế đến 31/12/2018 là 2.305 khách hàng)

2.3 Công tác thu gom, xử lý nước thải:

- Doanh thu năm 2019 của 4 chi nhánh thuộc lĩnh vực xử lý nước thải: **83,4** tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch được giao 2019 (67,9 tỷ đồng).
- Đến nay, tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý tại các chi nhánh: 10.797.620 m³ với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Tổng số lượng hộ đầu nối nước thải đến nay đạt 10.431 hộ. Chi tiết tại phụ lục đính kèm

2.4 Công tác tổ chức, nhân sự:

Đến cuối năm 2019, công ty có tổng số CBCNV là 1.135 người. Trình độ CBCNV công ty như sau:

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Đại học và Trên Đại học	225	20
2	Cao đẳng	77	7
3	Trung học	185	16
4	Công nhân kỹ thuật	575	51
5	Khác	73	6
6	Tổng cộng	1.135	100

- Trong năm 2019: tăng 25 người so với năm 2018 (1.110 người).
- Trong kỳ, thực hiện chuyển 12 nhân sự sang Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương được thành lập theo quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/2/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.
- Đến nay công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:
 - + **17 Chi nhánh** trực thuộc gồm: **9** Chi nhánh Cấp nước: Dĩ An, Thủ Dầu Một, Khu Liên Hợp, Tân Uyên, Thuận An, Bàu Bàng, Chơn Thành – Tỉnh Bình Phước, Dầu Tiếng, Phước Vĩnh, **1** Chi nhánh Xử lý chất thải, **4** Chi nhánh xử lý nước thải: Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên; **1** Chi nhánh tư vấn Cấp thoát nước, **1** Chi nhánh dịch vụ đô thị và **1** Chi nhánh Xây lắp Công nghệ Cơ Điện BIWASE.
 - + **4 phòng** nghiệp vụ: Nhân sự quản trị, Tài chính kế toán, Kế hoạch - Vật tư, Chống Thất Thoát.
 - + **2 Trung tâm**: Dạy nghề và nâng cao nguồn nhân lực BIWASE và trung tâm quản lý chất lượng nước.

2.5 CÔNG TÁC NGHIỆP VỤ & QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- Đến ngày 17/3/2019 hoàn tất việc thoái vốn nhà nước lần 2, giảm tỷ lệ vốn nhà nước 16% vốn điều lệ, tương đương 24 triệu cổ phần tại công ty BIWASE theo chủ trương số 3421/UBND – KTTH ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Bình Dương với giá chuyển nhượng cổ phần bình quân khoảng 24.398 đồng/cp, tương đương giá trị vốn nhà nước thu về lần này trên 585 tỷ đồng và tổng thu về từ các đợt là 967,5 tỷ đồng. Hiện tại, vốn nhà nước tại BIWASE chiếm 25% vốn điều lệ.
- Đã hoàn thành hồ sơ và chính thức bàn giao tài sản thuộc lĩnh vực thoát nước hiện công ty đang giữ hộ cho Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương thành lập theo quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/2/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.
- Từ nguồn vốn giảm thất thoát nước, thực hiện đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, triển khai thi công tuyến ống cấp nước đến các vùng nông thôn, vùng ven các thị trấn để người dân được hưởng lợi ích từ nguồn nước sạch của công ty ngày càng nhiều và đáp ứng tiêu chí về tỷ lệ cấp nước sạch nông thôn.
- Về chống thất thoát, thất thu kết quả phần khởi (5,54%) nhưng cần tiếp tục được duy trì ở mức thất thoát thấp, đầu tư thêm nhiều thiết bị có giá trị nhằm ổn định áp lực trong mạng lưới, phát hiện xử lý một số lỗi bất hợp lý trên mạng.
- Công tác cung cấp nước sạch và thu gom, xử lý rác thải ngày càng mở rộng phạm vi dịch vụ, lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử

dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tôi đã tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội.

- Công tác quản trị doanh nghiệp, đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo am hiểu thêm phương pháp quản trị doanh nghiệp theo xu hướng của các nước phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu đối với công ty niêm yết và là công ty đại chúng có quy mô lớn. Nguồn nhân lực BIWASE ngày càng ổn định vững vàng, thực hiện công việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.

2.6 XÂY DỰNG CƠ BẢN

- Trong kỳ, tổng giá trị đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước từ vốn đầu tư phát triển của công ty đến ngày 31/12/2019 đạt 81,30 tỷ đồng, các công trình tập trung đầu tư chủ yếu ở các chi nhánh như: Chi nhánh cấp nước Bàu Bàng, cấp nước Thuận An, Khu Liên Hợp, Dĩ An... Một số công trình điển hình như: tuyến ống cấp nước D300- 200 đường N4 – Bàu Bàng, tuyến ống cấp nước Đại lộ Bình Dương từ đường D5 đến ngã 3 Chiến Thắng – Bàu Bàng, D100 đường DT 741 B đoạn từ ngã 3 Bồ Lá đến NTCS Tân Hưng...
- Công trình Xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp mở rộng, công suất 100.000m³/ngày đêm với tổng giá trị 1.129 tỷ đồng. Hiện nhà thầu đang triển khai thi công thực hiện phần trạm bơm nước thô với giá trị 119 tỷ đồng, dự kiến cuối tháng 12/2019 hoàn thành. Hạng mục tuyến ống nước thô D1500mm, L = 8,8km cũng được thi công thực hiện nhanh chóng, hiện đạt khoảng 50%, dự kiến hoàn thành trong quý 1/2020. Nguồn vốn: Vốn vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương, Ngân hàng VietTinBank và vốn tự có của doanh nghiệp.
- Dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước Nam Tân Uyên, công suất tăng thêm 20.000m³/ngày đêm với tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng cũng đang được triển khai thi công xây dựng, tiến độ đạt khoảng 30%. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay.
- Dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước Uyên Hưng, công suất tăng thêm 30.000m³/ngày đêm với tổng mức đầu tư khoảng 70 tỷ đồng đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, dự kiến triển khai thi công xây dựng vào tháng 1/2020. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay.
- Dự án đầu tư nâng công suất xử lý rác sinh hoạt thành phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày với giá trị đầu tư khoảng 374 tỷ đồng, Dự án công trình Lò đốt rác, công suất 200 tấn/ngày với giá trị đầu tư khoảng 120 tỷ đồng và bể ủ thu hồi khí kết hợp phát điện số 4B với giá trị đầu tư khoảng 50 tỷ đồng, và các hạng mục phụ trợ khác cũng đang được triển khai thực hiện quyết liệt tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, dự kiến đưa các công trình vào sử dụng chậm nhất vào quý 1/2020. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay.
- Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tân Long (400 ha) tại xã Tân Long - huyện Phú Giáo: đang hoàn chỉnh các thủ tục chi trả tiền đền bù với tổng kinh phí khoảng 250 tỷ đồng, dự kiến vào cuối tháng 1/2020 sẽ chi trả. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay.
- Dự án xây dựng khu nhà ở xã hội 12 tầng (An Phú): Đã hoàn tất các hồ sơ pháp lý của dự án, hiện công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện, dự kiến đến quý 1/2019 sẽ hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương.

2.7 Kết quả đầu tư tài chính tính đến 31/12/2019

STT	Nội dung	Giá trị đầu tư tài chính (tỷ đồng)			Số cổ phần, chiếm % vốn điều lệ	Tỷ lệ chia cổ tức 2019 (%)
		Số đầu kỳ	Phát sinh (+/-)	Số cuối kỳ		
1	Công ty CP ĐT XD Chánh Phú Hòa	141,55		141,55	10.650.792cp 43,12%	19% (1.900 đồng/cp)
2	Công ty CP cấp nước Đồng Nai (DNW)	273,08		273,08	17.700.000cp 17,7%	8% (800 đồng/cp)
3	Công ty Cổ phần tái chế vật liệu xanh (3R)	15,74	3,04	18,78	1.597.432cp 95,80%	
4	Tổng Công ty SX và XNK Bình Dương (PRT)	213,76		213,76	12.000.000 cp 4,00%	1% (100 đồng/cp)
5	Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ (TLP)	18,38		18,38	1.200.000cp 0,51%	3,6% (360 đồng/cp)
Tổng cộng		662,51	3,04	665,55		

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SXKD NĂM 2019

Do các sản phẩm của công ty chủ yếu là các sản phẩm, dịch vụ công ích nên kết quả thực hiện các lĩnh vực hoạt động chuyên ngành mang tính đặc thù, thì ngoài nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính thì quan trọng hơn là những hiệu quả về mặt môi trường, hạ tầng đô thị góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo động lực phát triển cho tỉnh Bình Dương. Một số đánh giá kết quả thực hiện trong năm như sau:

❖ Cấp nước:

- Đẩy mạnh đầu tư mở rộng các nhà máy, mạng lưới ống phân phối, truyền tải, phát triển đầu nối khách hàng gia tăng tỷ lệ cung cấp nước sạch đô thị, vùng ven và nông thôn.
- Giá nước sạch được điều chỉnh phù hợp, kịp thời (bắt đầu từ kỳ hóa đơn tháng 1/2019). Doanh thu đạt vượt kế hoạch đề ra (đạt 106%), sản lượng tiêu thụ đạt 101% do trong năm đã tập trung đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng. Tuy nhiên chỉ tiêu phụ về số đầu nối khách hàng trong năm chỉ đạt 89% chỉ tiêu đề ra (34.150 đầu nối).
- Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch tăng cao, trong năm 2019 một số nhà máy nước của BIWASE đã phải chạy đạt và vượt công suất như Tân Hiệp, Tân Uyên, Uyên Hưng, Dĩ An và Chơn Thành.
- Về chống thất thoát, thất thu kết quả phân khởi nhưng cần duy trì ở mức thất thoát thấp, đầu tư thêm nhiều thiết bị có giá trị nhằm ổn định áp lực trong mạng lưới, phát hiện xử lý một số lỗi bất hợp lý trên mạng.
- Nguồn nhân lực ngày càng ổn định vững vàng, thực hiện công việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả, năng suất lao động cao.

- Tình hình biến động giá đất cũng như một số giá nguyên vật liệu đầu vào tăng nhanh trong năm 2019 làm ảnh hưởng phát sinh chi phí lớn và khó khăn cho công ty trong việc thực hiện giải phóng đền bù một số khu đất khi đầu tư mới như mở rộng nhà máy nước Tân Hiệp, khu đất dự kiến mở rộng văn phòng làm việc của BIWASE tại Thành phố mới Bình Dương...

❖ **Rác thải:**

- Giá xử lý rác sinh hoạt được điều chỉnh tăng (bắt đầu từ tháng 10/2017). Công tác thu gom và xử lý rác trong năm có nhiều thuận lợi: lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội, các sản phẩm gạch, phân bón Con Voi đều được khách hàng nhiệt tình đón nhận.

- Mở rộng được thị trường phân bón con voi Bình Dương: ngoài phục vụ cây cao su truyền thống còn phát triển đến thị trường cây ăn trái vùng Đồng Tháp và cây thanh long ở Bình Thuận.

- Công tác thu gom và xử lý rác thải ngày càng mở rộng phạm vi dịch vụ, lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội.

- Việc quy hoạch 400 ha đất Tân Long – huyện Phú Giáo, thay vì được ưu đãi và nhận bàn giao đất sạch theo quy định thì công ty phải vay mượn vốn (khoảng 250 tỷ) để chi trả bồi thường cho Tập đoàn Cao Su Việt Nam - Cty Cao su Phước Hòa.

- Đã hoàn tất các thủ tục thanh toán tại các huyện, thị, thành phố để phân doanh thu ghi nhận về xử lý chất thải được đầy đủ.

❖ **Nước thải:**

- Các hệ thống thu gom, xử lý nước thải mới được đưa vào hoạt động nên trong năm lượng nước thải thu gom đạt khá và có nhiều tiềm năng tăng trưởng khách hàng đầu nối trong những năm tới.

❖ **Đầu tư:**

- Đầu tư xây dựng cơ bản: Việc tìm kiếm nguồn vốn đầu tư ưu đãi và phù hợp cho các công trình mang tính công ích ngày càng khó khăn. Các ưu đãi về vốn hỗ trợ phát triển tại địa phương cho hình thức công ty cổ phần không còn.

- Đầu tư tài chính: liên quan đến đầu tư tài chính tại một số doanh nghiệp ngoài ngành, cụ thể tại các công ty 3/2, Thành Lễ, 3R vẫn còn một số việc chưa như ý.

- Công trình xây dựng khu nhà ở xã hội 12 tầng với giá trị khoảng 165 tỷ đồng chưa thể thu tiền nộp trước của người mua mà phần lớn còn phải sử dụng vốn của công ty và vốn vay.

❖ **Về chăm lo đời sống người lao động:**

Ban điều hành công ty luôn tạo điều kiện đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho các CBCNV, từ đó đời sống người lao động ngày càng được nâng cao và an tâm công tác. Thu nhập bình quân năm 2019 đạt: 17,55 triệu đồng/người/tháng, tăng 9,7% so với năm 2018 (16 triệu đồng/người/tháng)

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

3.1 Kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020

Vượt lên mọi khó khăn, tự cải tiến chính bản thân, từng người lãnh đạo, người quản lý, người công nhân luôn phấn đấu tăng năng suất lao động năm sau cao hơn năm trước, ngày

càng làm hài lòng khách hàng nhiều hơn. Từ đó, một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 công ty đặt ra, cụ thể như sau:

- Doanh thu: 3.150 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 470 tỷ đồng.
- Nước thương phẩm: tăng 10% so với thực hiện năm 2019.
- Rác các loại tiếp nhận và xử lý: tăng 10% so với thực hiện năm 2019.
- Thu gom, xử lý nước thải: 38.750 m³/ngày (4 chi nhánh nước thải).
- Khách hàng: tăng đạt 35.000 đầu nối.
- Thất thoát giảm toàn công ty: $\leq 5,5\%$ /năm.
- Cổ tức mong đợi: 12% vốn điều lệ.
- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các công trình xây dựng trọng điểm như đã nêu.
- Sửa chữa, tu bổ, mua sắm thiết bị để bảo đảm kế hoạch sản xuất kinh doanh.

3.2 Một số giải pháp thực hiện

1 Lĩnh vực cấp nước:

- Tiếp tục tổ chức, quản lý thực hiện các dự án và thu xếp nguồn vốn phù hợp, kịp thời phục vụ công tác đầu tư các công trình cấp nước để sớm hoàn thành đưa công trình đưa vào sử dụng, giảm bớt áp lực hiện tại do chạy vượt công suất cấp nước của NMN Tân Hiệp, Dĩ An, Uyên Hưng, Nam Tân Uyên và NMN Chơn Thành.
- Đầu tư mạng lưới ống phân phối, phát triển công tác đầu nối khách hàng nhằm cung cấp nước sạch cho người tiêu dùng, sản xuất ngày càng nhiều hơn.
- Mở rộng mạng lưới cấp nước Chơn Thành - Bình Phước với giá trị dự kiến khoảng 150 tỷ đồng để tăng công suất cấp nước lên gấp đôi. Triển khai đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước tại một số khu vực thiếu nước mùa nắng.
- Chuẩn bị các khu đất phục vụ mở rộng, phát triển sản xuất, kinh doanh của công ty như đất mở rộng nhà máy nước Tân Hiệp, nhà máy nước Hớn Quảng – Bình Phước.
- Ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cải thiện điều kiện lao động, giảm thất thoát nước. Ứng dụng công tác tin học để nâng cao hiệu quả quản lý, dịch vụ khách hàng.
- Tiếp tục và đẩy nhanh triển khai chương trình thu tiền nước qua hệ thống thu hộ, nhờ thu.

2. Lĩnh vực xử lý chất thải:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương để xử lý hết lượng rác tiếp nhận ngày càng tăng cao của nhà máy xử lý chất thải như hoàn chỉnh dây chuyền xử lý rác thành phân hữu cơ, công suất 840 tấn/ngày và lò đốt rác, công suất 200tấn/ngày.
- Mở rộng được thị trường phân bón con voi Bình Dương: ngoài phục vụ cây cao su truyền thống ở khu vực miền Đông Nam Bộ còn phát triển đến thị trường cây ăn trái vùng Đồng Tháp và cây thanh long ở Bình Thuận.
- Hoàn thiện hồ sơ liên quan đến các khu đất phục vụ Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tân Long.
- Phát triển, mở rộng việc kinh doanh và tăng cường công tác quảng bá, tiếp thị đối với các sản phẩm gạch con voi, phân bón con voi và nước đóng chai.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiên cứu, hoàn chỉnh các công nghệ xử lý rác, tăng cường công tác bán và chuyển giao thiết bị xử lý rác.

3. Lĩnh vực thu gom, xử lý nước thải:

- Tiếp tục hoàn thiện và trình duyệt phương án đơn giá dịch vụ thoát nước thải sinh hoạt để có thể áp dụng đơn giá mới.
- Tăng cường công tác đấu nối khách hàng và hoàn thiện cơ chế thu gom nước thải đối với khách hàng công nghiệp.

4. Nhiệm vụ khác:

- Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị cho thuê 3 tầng dưới của khu nhà ở xã hội cũng như các đối tượng mua căn hộ để thu hồi vốn đầu tư của công ty.
- Chuẩn bị đất dự kiến xây dựng văn phòng làm việc BIWASE và xây dựng trung tâm thương mại tại TP Mới Bình Dương.
- Tiếp tục nâng cao nhận thức người lao động, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, cải tiến trong công tác điều hành, quản lý vận hành hiệu quả, tiết kiệm chi phí. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy quản lý, tăng năng suất và hiệu quả lao động.
- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ quản trị, kiến thức về chứng khoán và pháp lý phù hợp với hình thức công ty cổ phần.
- Nghiên cứu mở rộng thị trường kinh doanh với tầm nhìn dài hạn.
- Tiếp tục thúc đẩy thực hiện các công việc, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ... trong năm 2020 để hoàn thành kế hoạch, nghị quyết đã đề ra tại đại hội cổ đông năm 2020.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2020 kính trình tại Đại Hội cổ đông thường niên năm 2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Chiến Công

PHỤ LỤC

* Đầu nôi khách hàng cấp nước thay đổi trong năm 2019: **30.254** khách hàng, cụ thể như sau:

STT	CHI NHÁNH	KHÁCH HÀNG				
		Kinh doanh, dịch vụ	HCSN	Sản xuất	Dân dụng	TỔNG CỘNG
1	THỦ DẦU MỘT	40	10	27	5.708	5.785
2	DĨ AN	85	11	34	9.059	9.189
3	KHU LIÊN HỢP	25	18	1.047	5.372	6.462
4	TÂN UYÊN	7	2	86	1.209	1.304
5	DẦU TIẾNG	1	1	1	220	223
6	PHƯỚC VĨNH	-2	2	0	114	114
7	BÀU BÀNG	-1	4	1.056	1.794	2.853
8	XNCN THUẬN AN	105	4	-6	3.181	3.284
9	CN CHƠN THÀNH	7	12	40	981	1.040
	TỔNG	267	64	2.285	27.638	30.254

* Đầu nôi khách hàng cấp nước lũy kế đến 31/12/2019: 275.376 khách hàng, cụ thể như sau:

STT	CHI NHÁNH cấp nước	NƯỚC Tiêu thụ (m ³)	NƯỚC Sản xuất (m ³)	KHÁCH HÀNG				
				Kinh doanh, dịch vụ	HCS N	Sản xuất	Dân dụng	TỔNG CỘNG
1	THỦ DẦU MỘT	16.435.215	18.382.258	683	394	244	57.374	58.695
2	DĨ AN	55.052.066	83.497.949	777	386	1.281	102.281	104.725
3	KHU LIÊN HỢP	44.979.040	48.297.177	106	182	3.370	40.044	43.702
4	TÂN UYÊN	8.836.733	9.150.885	32	111	729	9.879	1.304
5	DẦU TIẾNG	838.839	854.251	39	60	4	4.647	4.750
6	PHƯỚC VĨNH	605.112	638.324	19	77	3	3.071	3.170
7	BÀU BÀNG	9.314.855	7.040.665		48	3.562	3.639	7.249
8	THUẬN AN	14.393.798	20.575.795	598	183	369	37.354	38.504
9	CHƠN THÀNH	4.675.969	4.741.685	21	25	114	3.670	3.830
	TỔNG	155.131.627	164.378.473	2.275	1.466	9.676	261.959	275.376
				275.376				

- Số m đường ống cấp nước thi công, thực hiện trong năm 2019 tăng thêm 276.586 m. Cụ thể như sau:

ST T	Tên nhà máy	Số đường ống thi công thực hiện trong kỳ(m)	
		Đường kính	Chiều dài (m)
1	CNCN Khu Liên Hợp	Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)	760
		Ống phân phối cấp 1 (D150-D90)	30.844
		Ống phân phối cấp 2 (D60)	14.109
		cộng	45.713
2	CNCN Dĩ An	Ống phân phối cấp 1 (D150-D90)	24.530
		Ống phân phối cấp 2 (D60)	3.075
		cộng	27.605
3	CNCN Thủ Dầu Một	Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)	262
		Ống phân phối cấp 1 (D150-D90)	47.894
		Ống phân phối cấp 2 (D60)	18.140
		cộng	66.296
4	CNCN Tân Uyên	Ống chuyển tải cấp 1 (D630-D300)	4.606
		Ống phân phối cấp 1 (D150-D90)	22.497
		Ống phân phối cấp 2 (D60)	1.088
		cộng	28.191
5	CNCN Thuận An	Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)	1.730
		Ống phân phối cấp 1(D150-D90)	21.595
		Ống phân phối cấp 2 (D60)	7.140
		Cộng	30.465
7	CNCN Bàu Bàng	Ống chuyển tải cấp 1(D300)	750
		Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)	1.200
		Ống phân phối cấp 1(D150-D90)	35.990
		Ống phân phối cấp 2 (D60)	2.135
		Cộng	40.075
8	CNCN Chơn Thành	Ống chuyển tải cấp 1 (D400-D300)	6.222
		Ống chuyển tải cấp 2 (D250-D200)	1.432
		Ống phân phối cấp 1(D150-D90)	23.465
		Ống phân phối cấp 2 (D60)	450
		Cộng	31.569
9	CNCN Phước Vĩnh	Ống phân phối cấp 1(D150-D90)	3.230
		Ống phân phối cấp 2 (D60)	900
		Cộng	4.130
10	CNCN Dầu Tiếng	Ống phân phối cấp 1(D150-D90)	1.112
		Ống phân phối cấp 2 (D60)	1.430
		Cộng	2.542
		Tổng cộng	276.586

* Tổng số km đường ống cấp nước hiện do công ty quản lý, sử dụng đến 31/12/2019: 4.210.886m.

STT	Tên nhà máy	Số đường ống quản lý, khai thác (m)
1	CNCN Khu Liên Hợp	856.953
2	CNCN Dĩ An	1.048.012
3	CNCN Thị xã TDM	1.556.849
4	CNCN Tân Uyên	237.121
5	CNCN Thuận An	162.511
6	CNCN Phước Vĩnh	56.705
7	CNCN Dầu Tiếng	55.247
8	CNCN Bàu Bàng	120.703
9	CN Cấp nước Chơn Thành	182.461
	Tổng cộng	4.276.562m

* Bảng tổng hợp tình hình hoạt động của các Chi nhánh xử lý nước thải trong kỳ

STT	Chi nhánh xử lý nước thải	Công suất thiết kế (m ³ /ngày đêm)	Lượng nước xử lý trong kỳ (m ³)	Sản lượng xử lý Bình quân (m ³ /ngày đêm)	Sản lượng theo kế hoạch 2019 (m ³ /ngày đêm)	Đạt Kế hoạch hoặc 2019 (%)	Số lượng đầu nổi (khách hàng)		Ghi chú Ngày bắt đầu vận hành
							Tăng trong kỳ	Lũy kế	
1	Thủ Dầu Một	17.650	5.017.395	14.533	15.500	94	1.150	6.513	31/05/2013
2	Thuận An	17.000	2.811.442	8.953	10.000	74	1.129	2.649	21/04/2017
3	Dĩ An	20.000	2.193.325	6.009	10.000	60	990	1.081	30/11/2018
4	Tân Uyên	15.000	775.458	2.820			188	188	01/04/2019 chạy thử
	Tổng cộng	69.650	10.797.620	32.315	35.500	87	3.457	10.431	

* Bảng tổng hợp Nhân sự theo các bộ phận của BIWASE đến ngày 31/12/2019

STT	Chi nhánh	Số nhân viên	Trong đó: giới tính		Trong đó: trình độ					
			nam	nữ	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	CN KT	LĐ PT
1	CN CN Dĩ An	134	114	20		7	12	28	80	7
2	CN CN Khu Liên Hợp	105	82	23		11	7	30	52	5
3	CN CN Thủ Dầu Một	60	47	13		10	5	9	33	3
4	CN CN Thuận An	40	32	8		7	3	3	23	4
5	CN CN Tân Uyên	59	49	10		2	4	20	31	2
6	CN CN Chơn Thành	23	22	1		6	2	4	10	1
7	CN CN Bàu Bàng	21	18	3		3	2	4	12	
8	CN CN Dầu Tiếng	8	7	1		1		3	4	
9	CN CN Phước Vĩnh	6	6				1	4	1	
10	CN Dịch Vụ Đô Thị	31	19	12		4	3	5	18	1
11	CN Xử Lý Chất Thải	362	287	75		55	13	35	235	24
12	CN NT Thủ Dầu Một	59	40	19		16	7	8	26	2
13	CN NT Thuận An	42	31	11		16	3	6	15	2
14	CN NT Dĩ An	24	19	5	1	4	5	5	8	1
15	CN NT Tân Uyên	19	13	6		10	2	1	3	3
16	CN Tư Vấn CTN	11	5	6		6	1	4		
17	CN Cơ Điện	25	22	3		14	1	3	7	
18	Ban điều hành	5	5		2	3				
19	P. Nhân Sự - Quản Trị	40	23	17		6	1	2	13	18
20	P. Tài Chính - Kế Toán	23	8	15		15	2	4	2	
21	P. Kế Hoạch - Vật Tư	10	5	5	1	7	1	1		
22	P. CTT & DVKH	11	11			6		4	1	
23	BQLDA	6	5	1		4		1	1	
24	Trung tâm QLCL Nước	9	1	8		6	2	1		
25	Trung tâm Đào Tạo NNL	2	1	1		2				
	Tổng cộng	1.135	872	263	4	221	77	185	575	73

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.651.901.010.661	1.476.521.530.699
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	74.621.333.362	166.745.863.786
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	254.290.000.000	176.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	844.317.297.996	760.395.556.420
140	IV. Hàng tồn kho	469.061.006.096	367.601.277.041
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	9.611.373.207	5.478.833.452
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	4.468.457.027.680	12.221.106.004.372
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	924.112.207.078	30.262.623.942
220	II. Tài sản cố định	2.257.941.415.719	4.257.365.887.431
221	1. Tài sản cố định hữu hình	2.174.309.256.558	4.172.889.989.982
227	3. Tài sản cố định vô hình	83.632.159.161	84.475.897.449
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	597.980.565.916	7.280.481.940.607
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	597.980.565.916	7.280.481.940.607
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	628.385.135.435	604.353.765.435
260	VI. Tài sản dài hạn khác	60.037.703.532	48.641.786.957
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.120.358.038.341	13.697.627.535.071
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	3.984.907.897.543	9.630.960.663.981
310	I. Nợ ngắn hạn	1.436.376.770.353	2.425.000.342.406
330	II. Nợ dài hạn	2.548.531.127.190	7.205.960.321.575
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.135.450.140.798	4.066.666.871.090
410	I. Vốn chủ sở hữu	2.135.450.140.798	4.066.066.453.694
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	181.953.713.765	72.324.893.590

421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	351.266.172.602	208.225.200.500
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	102.230.254.431	2.285.516.359.604
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		600.417.396
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.120.358.038.341	13.697.627.535.071

Ghi chú:

- Trong năm Công ty đã thực hiện bàn giao các Ban Quản lý Dự án gồm: Ban Quản lý Dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một; Ban Quản lý Dự án Cấp thoát nước môi trường; Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên và Ban Quản lý Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương về cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương theo các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Do vậy, Công ty không thực hiện cộng hợp số liệu của các Ban Quản lý Dự án này vào Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Điều này dẫn đến giá trị tổng tài sản và tổng nguồn vốn trên Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019 giảm đáng kể so với thời điểm ngày 01/01/2019.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018	Tỷ lệ tăng
		VND	VND	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.525.378.201.291	2.171.817.061.711	16,28
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	283.807.272	-	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.525.094.394.019	2.171.817.061.711	16,27
11	Giá vốn hàng bán	1.495.194.904.142	1.309.033.892.919	14,22
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.029.899.489.877	862.783.168.792	19,37
21	Doanh thu hoạt động tài chính	55.902.798.905	35.049.372.663	59,50
22	Chi phí tài chính	128.056.209.080	184.583.337.652	-30,6%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	143.389.491.128	130.830.308.403	9,60
25	Chi phí bán hàng	304.838.014.710	270.431.867.551	12,72
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	112.686.941.176	108.370.944.274	3,98
30	1. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	540.221.123.816	334.446.391.978	61,53
31	1. Thu nhập khác	50.073.237.532	40.201.760.595	24,55
32	1. Chi phí khác	62.713.687.136	24.055.274.897	160,71
40	1. Lợi nhuận khác	(12.640.449.604)	16.146.485.698	-178,29
50	2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	527.580.674.212	350.592.877.676	50,48
51	2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	62.265.841.835	37.367.677.176	66,63
60	3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	465.314.832.377	313.225.200.500	48,56

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ tăng
Tổng tài sản	6.120.358.038.341	5.471.822.917.752	11,85%
Tài sản ngắn hạn	1.651.901.010.661	1.177.533.156.882	40,28%
Nợ phải trả	3.984.907.897.543	3.691.272.823.662	7,95%
Nợ ngắn hạn	1.436.376.770.353	1.250.081.830.771	14,90%
Hàng tồn kho	469.061.006.096	340.227.065.597	37,87%
Vốn chủ sở hữu	2.135.450.140.798	1.780.550.094.090	19,93%
Doanh thu thuần	2.525.094.394.019	2.171.817.061.711	16,27%
Giá vốn	1.495.194.904.142	1.309.033.892.919	14,22%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	540.221.123.816	334.446.391.978	61,53%
Lợi nhuận khác	-12.640.449.604	16.146.485.698	-178,29%
Lợi nhuận trước thuế	527.580.674.212	350.592.877.676	50,48%
Lợi nhuận sau thuế	465.314.832.377	313.225.200.500	48,56%
1. Chỉ số khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,150	0,942	
2. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,651	0,675	
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,866	2,073	
3. Chỉ số về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	3,695	4,171	
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,413	0,397	
4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	18,43%	14,42%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	21,79%	17,59%	
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	7,60%	5,72%	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	21,39%	15,40%	

Ghi chú: Số liệu tài chính năm 2018 là số liệu đã loại các Ban Quản lý Dự án mà trong năm 2019 đã bàn giao về cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương để tiện cho việc so sánh.

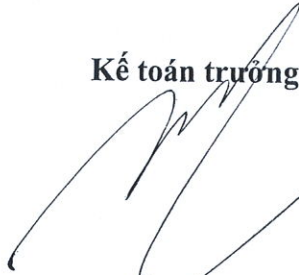
Bình Dương, ngày 03 tháng 3 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Mộng Thường

Kế toán trưởng



Trần Tân Đức

Tổng Giám đốc



Trần Chiến Công

Thủ Dầu Một, ngày 3 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2019.

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo quyết toán tài chính và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2019. Nay Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo trình đại hội như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1 Công tác kiểm tra tình hình hoạt động trong kỳ:

Ban kiểm soát được đại hội đồng cổ đông bầu cử, hiện tại gồm 3 thành viên:

1. Bà Dương Anh Thư – Trưởng ban.
2. Bà Trần Thị Kim Oanh – Thành viên.
3. Ông Nguyễn Đức Bảo – Thành viên.

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện theo Điều lệ hoạt động của Công ty, các quy chế hoạt động của doanh nghiệp, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT công ty ban hành.

- Kiểm tra công tác pháp lý doanh nghiệp cũng như việc thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo trình tự quy định hiện hành.

- Kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác tổ chức kế toán, Kiểm tra các số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh, các hợp đồng, các báo cáo tài chính quý, 1/2 và năm 2019 của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ pháp lý giúp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các chi nhánh thực hiện hiệu quả công việc và đúng quy định, qua đó đạt và vượt các chỉ tiêu được giao tại ĐHĐCĐ năm 2019.

- Theo dõi việc tổng hợp, cân đối nguồn vốn đầu tư trung, dài hạn của BIWASE để ban điều hành thuận tiện trong công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

- Phối hợp cùng kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ trong việc kiểm tra, lập BCTC hàng quý, năm để đảm bảo sự phù hợp trong công tác kế toán, quản trị tài chính của doanh nghiệp.

- Tham gia việc quản lý rủi ro về tài chính để có thể cảnh báo rủi ro giúp cho việc điều hành doanh nghiệp hiệu quả hơn.

- Theo dõi tình hình hoạt động của các công ty có vốn góp của BIWASE.
- Thực hiện công bố thông tin theo quy định phù hợp với yêu cầu đối với công ty đại chúng với quy mô lớn.
- Tham dự, giám sát các cuộc họp của HĐQT và các công việc khác.

1.2 Công tác Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành 12 cuộc họp, với nội dung họp bàn và ra các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các nội dung chủ yếu họp bàn về quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề xuất, xác định mức cổ tức và tổ chức chi trả cổ tức năm 2019 và quyết định một số vấn đề kinh doanh, giao dịch cần có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị theo quy định với một số nội dung điển hình như sau:

- Chuyển đổi tên tất cả các Xí nghiệp trực thuộc Công ty thành Chi nhánh.
- Thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng: Nâng công suất Nhà máy nước Tân Hiệp, công suất tăng thêm 100.000m³/ngày đêm; dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội và công viên cây xanh 12 tầng An Phú; dự án đầu tư mở rộng NMN Uyên Hưng, công suất 30.000m³/ngày đêm; Đầu tư nâng công suất KLH XL CTR Nam Bình Dương, CS tăng thêm 1.240 tấn; Nâng công suất NMN Nam Tân Uyên, NMN Phước Vĩnh, NMN Dầu Tiếng.
- Các chủ trương liên quan đến khu đất mở rộng NMN Uyên Hưng, mở rộng NMN Dầu Tiếng, khu đất dự kiến xây dựng văn phòng làm việc BIWASE và TT thương mại tại Khu đô thị mới.
- Các chủ trương vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng...

1.3 Kế hoạch, định hướng công tác BKS năm 2020.

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Phối hợp kiểm toán nội bộ, thực hiện kiểm tra, kiểm soát công tác sử dụng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, vật tư sử dụng, công tác quản lý, sử dụng tiền mặt, tài sản tại các chi nhánh được hiệu quả, đúng mục đích. Thực hiện công tác kiểm toán năng lượng, công tác quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả và các hoạt động khác của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát trình tự, pháp lý và hiệu quả thực hiện công tác đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh của công ty. Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành đúng hướng dẫn của nhà nước về trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đúng đắn, minh bạch, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành nâng cao hiệu quả các dự án, công trình.

- Giám sát, thực hiện công tác pháp lý, công bố thông tin phù hợp với hình thức của công ty đại chúng quy mô lớn.

- Giám sát HĐQT, Ban điều hành thực hiện công tác quản trị công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

2.1 Công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động của HĐQT. Tất cả các phiên họp được tiến hành đúng quy định của Điều lệ Công ty. Nội dung họp và nghị quyết tại các phiên họp đều là những vấn đề thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT.

Giữa các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị, khi cần giải quyết các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp bổ sung và có thông tin cho Ban Kiểm soát.

2.2 Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ kịp thời, hợp lý và hiệu quả trong Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự đoàn kết trong tập thể Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

2.3 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc điều hành và Cổ đông.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý điều hành Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành.

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

3.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm kiểm soát, BCTC năm 2019 của Công ty đã được Đơn vị kiểm toán độc lập hoàn chỉnh gồm: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo các khoản phải nộp nhà nước và thuyết minh BCTC năm 2019.

Căn cứ báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan, sau khi rà soát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

+ Các chứng từ kế toán được thực hiện đầy đủ và lưu giữ gọn gàng, đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Các biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng quy định.

+ Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.

+ Các số liệu báo cáo tài chính năm 2019 phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019.

- Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

3.2. Nhận xét kết quả báo cáo tài chính năm 2019.

3.2.1. Các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong đó doanh thu thực hiện năm 2019 chi tiết tại các lĩnh vực hoạt động chính của công ty, cụ thể như sau:

STT	Lĩnh vực hoạt động chính	Doanh thu		Chi phí		Lãi gộp		% Lãi/DT
		Giá trị (Tỷ đồng)	Chiếm tỷ lệ (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Chiếm tỷ lệ (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Chiếm tỷ lệ (%)	
1	Cấp nước	1.637,3	62%	1.268,9	60%	368,4	70%	23%
2	Xử lý chất thải	647,3	25%	589,2	28%	58,1	11%	9%
3	Xử lý nước thải	83,3	3%	73,2	4%	10,1	2%	12%
4	Hoạt động khác	263,1	10%	172,2	8%	90,9	17%	35%
	Tổng cộng	2.631	100%	2.103	100%	528	100%	20%

Nhận xét:

Kết quả tổng doanh thu 2019 thực hiện đạt 2.631 tỷ đồng và tổng lãi gộp 528 tỷ đồng, trong đó lĩnh vực cấp nước chiếm đa số với doanh thu chiếm 62%, lãi gộp chiếm 70% và tỷ lệ lãi gộp/doanh thu đạt 23%, kể đến là Xử lý chất thải và hoạt động khác. Nguyên nhân: một phần do trong kỳ, giá nước được điều chỉnh kịp thời theo lộ trình từ kỳ hóa đơn tháng 1/2019.

Một số chỉ tiêu chính thực hiện năm 2019 so với kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% so với KH
1. Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.471	2.631	106%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	351	528	150%
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		465	
4. Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	152.680.000	154.313.278	101%
5. Đầu nối khách hàng	KH	34.150	30.254	89%
6. Thất thoát nước	%	5,75	5,54	Giảm 0,21%

Nhận xét:

Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng cao của người dân, trong năm 2019, một số nhà máy nước của BIWASE đã phải chạy vượt công suất như Tân Hiệp, Tân Uyên, Uyên Hưng, Dĩ An và Chơn Thành. HĐQT và Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy và mạng lưới cấp nước, tăng cường đầu nối khách hàng kể cả việc đầu tư mở rộng cấp nước khu vực nông thôn.

Đơn giá nước sạch năm 2019 được điều chỉnh theo lộ trình phù hợp và kịp thời vào kỳ hóa đơn tháng 1/2019 theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND về việc quy định giá nước cho sinh hoạt đô thị và sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2018 đến năm 2022.

Kết quả tổng doanh thu 2019 thực hiện đạt 2.631 tỷ đồng, tăng 17% so với thực hiện năm 2018 là (2.247 tỷ đồng) và đạt 107% kế hoạch được giao tại nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 (2.471 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt 465 tỷ đồng, đạt 149% so với năm 2018 (313 tỷ đồng).

Kết quả thất thoát nước trong năm 2019 đạt 5,54% vượt chỉ tiêu được giao 5,75%, thấp hơn 0,21% so với kế hoạch. Tuy nhiên, số lượng đầu nối khách hàng cấp nước tăng trong kỳ 30.254 đầu nối, chỉ đạt 89% kế hoạch được giao (34.150 đầu nối).

Bảng tổng hợp một số chỉ số hoạt động của BIWASE năm 2019:

STT	CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	Thời điểm		So Sánh với năm trước
			31/12/2018	31/12/2019	
I	Chỉ số về khả năng sinh lời				
1	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu ROS	%	14%	18%	127%
2	- Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ROE	%	8%	22%	283%
3	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	%	2%	8%	333%
II	Chỉ số về năng lực hoạt động				
10	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	%	16%	41%	260%
11	- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cp	2.087	3.102	149%
12	- Chỉ số P/E	lần	12	7	63%
13	- Lợi nhuận biên từ hoạt động kinh doanh	%	14%	18%	127%

Nhận xét:

+ **Tỷ suất lợi sau thuế trên doanh thu (ROS)** năm 2019: **18%** tăng hơn năm 2018 (4%). Tỷ lệ này rất cao so với tỷ suất lợi nhuận nhà nước quy định khi xây dựng phương án giá nước là 5%.

+ **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)** năm 2019: **22%**, tăng hơn năm 2018 (14%).

+ **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)** năm 2019: **8%**, tăng hơn năm 2018 (6%).

Như vậy, các chỉ số ROS, ROE, ROA đạt được năm 2019 trên đều cao hơn so với năm 2018 cho thấy hiệu quả hoạt động công ty theo đánh giá đạt khá cao so với năm trước cũng như so với các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành. Trong đó, một số chỉ tiêu liên quan đến giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu của BIWASE có sự thay đổi đáng kể so với năm 2018 do trong năm 2019 công ty đã hoàn thành hồ sơ và chính thức bàn giao tài sản thuộc lĩnh vực thoát nước mà công ty giữ hộ cho Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương thành lập theo quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/2/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.

3.2.2. Các chỉ số tài chính BIWASE năm 2019

Bảng tổng hợp một số chỉ số tài chính của BIWASE năm 2019: ĐVT %

STT	CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	Thời điểm		So Sánh với Năm trước
		31/12/2018	31/12/2019	
I	Chỉ số khả năng thanh toán			

1	- Hệ số thanh toán hiện hành	61%	115%	189%
2	- Hệ số thanh toán nhanh	43%	82%	188%
3	- Hệ số thanh toán tiền mặt	4,8%	5,2%	108%
II	Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
4	- Hệ số nợ / Tổng tài sản	70%	65%	93%
5	- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	237%	187%	79%

Nhận xét:

+ Nhìn chung, các chỉ số về khả năng thanh toán nợ của BIWASE năm 2019 đạt bằng và tốt hơn so với năm 2018 cho thấy đảm bảo đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và trên tổng tài sản của năm 2019 đều đạt tốt hơn, giảm hơn so với năm 2018. Trong đó hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu năm 2019: 1,87 lần, giảm hơn so với năm 2018 (2,37 lần). Tuy tỷ lệ này vẫn còn cao nhưng vẫn nằm trong hệ số an toàn (hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu cho phép là không quá 3 lần).

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ.

4.1. Nhận xét, đánh giá

- Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 chủ yếu như: Tổng doanh thu đạt 107%, khối lượng nước sạch tiêu thụ đạt 101%, lợi nhuận sau thuế đạt 149% và lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 149% so với năm 2018, chỉ tiêu thất thoát nước đạt 5,54%, giảm 0,21%. Tuy nhiên chỉ tiêu phát triển đầu nổi khách hàng sử dụng nước chỉ đạt 89% kế hoạch và chỉ số P/E chỉ đạt 63% so với năm 2018.

- Đáp ứng theo nhu cầu sử dụng nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn ngày càng tăng cao, trong năm 2019 ban điều hành đã tập trung đầu tư vào các công trình thuộc lĩnh vực chuyên môn như về cấp nước: Mở rộng NMN Tân Hiệp, công suất 100.000 m³/ngày đêm, Mở rộng NMN Tân Uyên, Chơn Thành và rác thải: nâng công suất xử lý rác sinh hoạt thành phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày, công trình Lò đốt rác, công suất 200 tấn/ngày, bể ù thu hồi khí kết hợp phát điện số 4B... các công trình vào sử dụng chậm nhất vào quý 1/2020 và các công trình khả năng sẽ phát huy hiệu quả ngay khi đưa vào sử dụng.

- Ngoài ra, công ty đã thực hiện chấp hành tốt việc công bố thông tin phù hợp quy định của công ty đại chúng có quy mô lớn cũng như thực hiện các chế độ, chính sách pháp luật theo quy định tại các lĩnh vực về thuế, thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

4.2. Kiến nghị:

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá các sản phẩm sản xuất, qua đó góp phần phát triển thương hiệu BIWASE và tăng khả năng thanh khoản của cổ phiếu BWE. Có giải pháp xử lý đối với các mặt hàng tồn kho không còn hiệu quả sử dụng cũng như tránh việc tồn kho hàng hóa, vật tư lớn.

2. Cần đẩy nhanh tiến độ công tác thu hộ tiền nước qua ngân hàng cũng như đảm bảo việc quản lý, sử dụng tiền mặt, tài sản tại các chi nhánh để việc tăng cường hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

3. Nhanh chóng hoàn chỉnh phương án kinh doanh dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và công viên cây xanh 12 tầng tại phường An Phú - Thuận An- Bình Dương để có thể thu hồi phân vốn đầu tư và làm giảm áp lực tài chính của công ty đã đầu tư vào công trình trên.

4. Kiện toàn và tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Trên đây là nội dung kết quả làm việc của Ban kiểm soát đã được các thành viên Ban Kiểm soát thông qua về công tác kiểm tra giám sát tình hình hoạt động năm 2019 của Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương, kính trình tại Đại Hội cổ đông thường niên năm 2020.

Trân trọng kính chào!

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

TRƯỞNG BAN



Dương Anh Thư

PHỤ LỤC
BẢNG KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2018	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		(Tỷ VND)	(Tỷ VND)	(+/-)	(%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.525,38	2.171,82	353,56	16
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0,28		0,28	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.525,09	2.171,82	353,28	16,27
11	Giá vốn hàng bán	1.495,19	1.309,03	186,16	14
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.029,90	862,78	167,12	19
21	Doanh thu hoạt động tài chính	55,90	35,05	20,85	59
22	Chi phí tài chính	128,06	184,58	-56,53	-31
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	143,39	130,83	12,56	10
25	Chi phí bán hàng	304,84	270,43	34,41	13
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	112,69	108,37	4,32	4
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	540,22	334,45	205,77	62
31	Thu nhập khác	50,07	40,20	9,87	25
32	Chi phí khác	62,71	24,06	38,66	161
40	Lợi nhuận khác	-12,64	16,15	-28,79	-178
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	527,58	350,59	176,99	50
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	62,27	37,37	24,90	67
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	465,31	313,23	152,09	49

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2018	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		(VND)	(VND)	(+/-)	(%)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.651.901	1.476.522	175.379	12
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	74.621	166.746	-92.125	-55
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	254.290	176.300	77.990	44
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	844.317	760.396	83.922	11
140	Hàng tồn kho	469.061	367.601	101.460	28
150	Tài sản ngắn hạn khác	9.611	5.479	4.133	75
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	4.468.457	12.221.106	-7.752.649	-63
210	Các khoản phải thu dài hạn	924.112	30.263	893.850	2.954
220	II. Tài sản cố định	2.257.941	4.257.366	-1.999.424	-47
221	Tài sản cố định hữu hình	2.174.309	4.172.890	-1.998.581	-48
227	Tài sản cố định vô hình	83.632	84.476	-844	-1
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	597.981	7.280.482	-6.682.501	-92
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	597.981	7.280.482	-6.682.501	-92
250	Đầu tư tài chính dài hạn	628.385	604.354	24.031	4
260	Tài sản dài hạn khác	60.038	48.642	11.396	23
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.120.358	13.697.628	-7.577.269	-55
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	3.984.908	9.630.961	-5.646.053	-59
310	Nợ ngắn hạn	1.436.377	2.425.000	-988.624	-41
330	Nợ dài hạn	2.548.531	7.205.960	-4.657.429	-65
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.135.450	4.066.667	-1.931.217	-47
410	I. Vốn chủ sở hữu	2.135.450	4.066.066	-1.930.616	-47
411	Vốn góp của chủ sở hữu	1.500.000	1.500.000	0	0
418	Quỹ đầu tư phát triển	181.954	72.325	109.629	152
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	351.266	208.225	143.041	69
422	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	102.230	2.285.516	-2.183.286	-96
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	0	600	-600	-100
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.120.358	13.697.628	-7.577.269	-55

Số: 9 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH

*V/v Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát
và bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2016-2021)*

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ vào đơn từ nhiệm thành viên ban kiểm soát của Trần Thị Kim Oanh ngày 22/02/2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét, thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát:

1. Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát:

Họ và tên người miễn nhiệm: Trần Thị Kim Oanh.

Ngày tháng năm sinh: 25/05/1982

Chức vụ trong BKS: Thành viên ban kiểm soát

2. Bầu cử bổ sung thành viên ban kiểm soát:

Để đảm bảo số lượng thành viên ban kiểm soát theo qui định của Điều 32 Điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp 2014, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua việc bầu bổ sung 1 thành viên ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Cty;
- Ban TGD Cty;
- Thành viên BKS Cty;
- Lưu: VT – HĐQT.



Nguyễn Văn Thiên



Bình Dương, ngày 3 tháng 03 năm 2020

QUY CHẾ
**ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI
HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương được thông qua ngày 22/09/2016

Việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương được tiến hành theo những quy định sau đây:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020, đảm bảo việc thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
2. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên Ban kiểm soát (BKS), bao gồm:
 - a) Quy định về đề cử, ứng cử thành viên BKS (Kiểm soát viên)
 - b) Quy định về việc bầu thành viên BKS
3. Đối tượng áp dụng: Đại biểu bao gồm Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây viết tắt là đại diện cổ đông) (theo danh sách cổ đông Công ty chốt đến ngày 31/12/2019), thành viên Ban tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Quyền của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi đến tham dự phiên họp ĐHĐCĐ đều được nhận một Phiếu bầu cử BKS, trên phiếu có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ và số phiếu bầu tương ứng được sử dụng để bầu cử.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này;
- b) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức Đại hội;
- c) Cổ đông, đại diện cổ đông khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu;
- d) Nghiêm túc chấp hành Quy chế bầu cử tại phiên họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các qui định pháp luật hiện hành;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c) Không phải là người giữ các chức vụ quản lý Công ty; người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- d) Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
- đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quy định về đề cử, ứng cử Ban kiểm soát

Các cổ đông sở hữu có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Đơn đề cử, ứng cử vào các chức danh BKS (01 bản gốc) theo mẫu;
2. Sơ yếu lý lịch của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu;
3. Các văn bản chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế, quy định của pháp luật (01 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ).

Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên Đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, ứng cử vào thành viên BKS của Công ty, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu vào thành viên BKS và thông qua danh sách tại Đại hội.

Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- Đơn đề cử, ứng cử tham gia BKS, sơ yếu lý lịch theo mẫu trên Website www.biwase.com.vn
- Bản sao các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.
- Hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về Công ty trước 15h ngày 13/03/2020 (tính theo dấu bưu điện, quá thời hạn trên hồ sơ không có giá trị) theo địa chỉ sau:

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯƠNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 11 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 3824245

Fax: (0650) 3897722

Liên hệ: Bà Dương Anh Thu

Điện thoại: 0919365689

CHƯƠNG III

BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 8. Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

- a) Phiếu bầu được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành;

- b) Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, số phiếu bầu, có đóng dấu treo Công ty ;
- c) Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) phiếu bầu: **Phiếu bầu Ban kiểm soát**. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi phiếu bầu

- a) Mỗi đại biểu được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu.
 - Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng, số phiếu sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn;
 - Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

- Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng vào ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu tại ô “Số phiếu bầu”.
 - Khi đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” số phiếu bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn, lúc này số phiếu mỗi ứng viên được nhận sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần lẻ (là phần thập phân nhỏ hơn 1) nếu có phát sinh sẽ tự động xóa bỏ.
- b) Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác;
 - c) Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- a) Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- b) Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - Gạch tên các ứng cử viên;
 - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu của đại biểu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

Điều 9. Phương thức bầu cử

- a) Việc bầu thành viên BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- b) Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông, đại diện cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng Thành viên số lượng Kiểm soát viên được bầu. Cổ đông, đại diện cổ đông có quyền sử dụng hoặc không sử dụng một phần hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên.
- c) Số lượng Thành viên BKS được bầu là một (01) thành viên.

Điều 10. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu

- a) Ban Bầu cử và Kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS;
- b) Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu Thành viên BKS, bao gồm: Chuẩn bị hòm phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên thành viên BKS, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

Điều 11. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên BKS cần bầu thì sẽ tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số và tỉ lệ bầu cho từng ứng cử viên vào BKS; Danh sách thành viên BKS trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.
2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước ĐHĐCĐ.

Điều 13. Khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa phiên họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Qui chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được đại hội thông qua.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



Trương Văn Nghĩa
Trưởng Phòng Nhân Sự Quản Trị

Số: 40 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 5 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH
Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

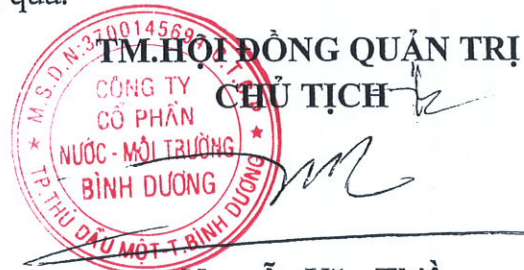
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ nghị quyết số 10/ĐHĐCĐ2019-HĐQT ngày 15/03/2019 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua.
- Căn cứ BCTC năm 2019 của Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương đã được kiểm toán bởi Công ty AASC.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau :

1./ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 (LNST).	: 465.314.832.377 đ
2./ Chia cổ tức năm 2019 (10% trên vốn điều lệ đã góp)	: 150.000.000.000 đ.
3./ Trích các quỹ	: 255.923.157.808 đ
- Quỹ Đầu tư phát triển (35% LNST)	: 162.860.191.332 đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% LNST)	: 69.797.224.857 đ
- Quỹ thưởng của người quản lý (5% LNST)	: 23.265.741.619 đ
4./ Lợi nhuận sau thuế 2019 còn lại được chia cổ tức	: 209.391.674.569 đ
5./ Lợi nhuận sau thuế 2018 còn lại	: 35.951.340.225 đ
6./ Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức năm 2019	

được bổ sung vào Quỹ Đầu tư Phát triển : 95.343.011.794 đ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Nguyễn Văn Thiên

TỜ TRÌNH

V/v kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2020.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

Nay Hội đồng quản trị Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN và các quỹ năm 2020 như sau:

I./ Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020.

1. Dự kiến chia cổ tức năm 2020 : 12% trên vốn điều lệ đã góp.
2. Trích các quỹ : 55% LNST
 - a. Quỹ đầu tư phát triển : 35% LNST
 - b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 15% LNST
 - Quỹ khen thưởng : 14% LNST
 - Quỹ phúc lợi : 1% LNST
 - c. Quỹ thưởng người quản lý : 5% LNST
3. Lợi nhuận còn lại sau phân phối sẽ bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển.

II./ Quỹ tiền lương của người lao động và Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý điều hành trực tiếp Công ty năm 2020.

1. Quỹ tiền lương của người lao động : 10% Doanh thu.
2. Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý : 0,3% Doanh thu.
điều hành trực tiếp Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Nguyễn Văn Thiên

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và
Thư ký năm 2020.**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Căn cứ mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2019.

Nay Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định hiện hành với số lượng nhân sự cụ thể như sau :

STT	Chi tiết	Số lượng
I	Tiền lương	
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	01
2	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	01
II	Thù lao	
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	06
2	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02
3	Thư ký Hội đồng quản trị	01

Công ty sẽ chi trả tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thiên

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

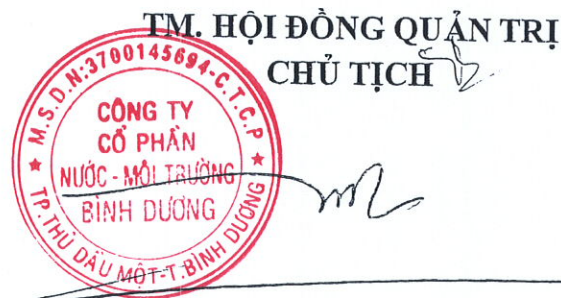
Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty là **Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC**

Công ty Kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.



Nguyễn Văn Thiên